



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

0403000380
0800296853

ngày 25 tháng 01 năm 2006
ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Ông Trần Văn Dư	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Mai Thanh	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại
Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Văn Thọ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-254/01



Chong Kwang Puay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.104.202.565.007	5.883.133.009.851
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	777.870.748.740	704.249.962.591
Tiền	111		37.870.748.740	24.249.962.591
Các khoản tương đương tiền	112		740.000.000.000	680.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.662.374.471.332	2.123.798.555.870
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.615.790.116.047	1.390.862.858.850
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.165.489.951	5.386.204.582
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	1.053.800.000.000	735.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.353.411.899	265.925.238
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(10.734.546.565)	(7.716.432.800)
Hàng tồn kho	140	10	552.176.108.149	657.660.065.833
Hàng tồn kho	141		725.731.042.297	838.846.310.350
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(173.554.934.148)	(181.186.244.517)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.781.236.786	3.072.460.484
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	1.781.236.786	3.072.460.484

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.620.911.620.211	5.275.893.442.341
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.707.970.467.665	2.350.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.707.970.467.665	2.350.000.000.000
Tài sản cố định	220		325.946.507.577	385.818.180.973
Tài sản cố định hữu hình	221	11	325.477.065.121	381.091.808.072
Nguyên giá	222		13.380.203.267.171	13.379.885.214.999
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.054.726.202.050)	(12.998.793.406.927)
Tài sản cố định vô hình	227	12	469.442.456	4.726.372.901
Nguyên giá	228		58.730.276.512	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.260.834.056)	(54.003.903.611)
Tài sản dở dang dài hạn	240		380.035.835.353	305.314.133.232
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	380.035.835.353	305.314.133.232
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.204.882.437.712	2.231.795.197.045
Đầu tư vào công ty con	251	6(b)	27.476.250.000	27.476.250.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(b)	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(358.492.699.838)	(445.655.921.755)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	-	114.075.981.250
Tài sản dài hạn khác	260		2.076.371.904	2.965.931.091
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.076.371.904	2.965.931.091
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.725.114.185.218	11.159.026.452.192

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.352.300.604.686	5.277.753.965.429
Nợ ngắn hạn	310		1.526.835.929.945	1.266.466.521.376
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	280.329.074.737	430.681.867.232
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		362.005.407	461.388.080
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	72.502.474.870	20.174.256.829
Phải trả người lao động	314		57.771.455.147	68.283.412.395
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	410.818.859.385	342.963.956.448
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	270.695.675.422	6.121.215.916
Vay ngắn hạn	320	18(a)	364.329.971.543	348.807.603.594
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	70.026.413.434	48.972.820.882
Nợ dài hạn	330		3.825.464.674.741	4.011.287.444.053
Vay dài hạn	338	18(b)	3.825.464.674.741	4.011.287.444.053
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.372.813.580.532	5.881.272.486.763
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.372.813.580.532	5.881.272.486.763
Vốn cổ phần	411	21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		160.144.544.191	157.128.522.365
Cổ phiếu quỹ	415	21	(125.602.728.849)	(125.602.728.849)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	541.669.911.034	487.842.267.483
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.534.251.854.156	2.099.554.425.764
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.189.807.225.387	1.577.039.664.248
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		344.444.628.769	522.514.761.516
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.725.114.185.218	11.159.026.452.192

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	5.865.840.752.572	7.556.421.241.460
Giá vốn hàng bán	11	26	5.397.628.888.893	6.623.772.204.496
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		468.211.863.679	932.649.036.964
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	531.255.162.342	424.387.623.814
Chi phí tài chính	22	28	253.577.896.838	733.022.458.924
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		125.359.277.566	120.228.756.089
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	87.339.442.472	86.133.862.681
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		658.549.686.711	537.880.339.173
Thu nhập khác	31		3.138.885.737	21.239.519.794
Chi phí khác	32		4.172.712.243	923.651.335
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.033.826.506)	20.315.868.459
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		657.515.860.205	558.196.207.632
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	58.547.540.236	35.681.446.116
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		598.968.319.969	522.514.761.516

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng

Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2016	2015
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		657.515.860.205	558.196.207.632
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		63.125.325.861	449.928.377.451
Các khoản dự phòng	03		(91.776.418.521)	332.829.184.196
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		206.534.726.856	203.313.279.013
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(522.741.567.057)	(424.387.623.814)
Chi phí lãi vay	06		125.359.277.566	120.228.756.089
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		438.017.204.910	1.240.108.180.567
Biến động các khoản phải thu	09		(541.474.653.906)	751.637.303.894
Biến động hàng tồn kho	10		113.115.268.053	43.540.628.641
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(79.240.124.706)	369.211.056.674
Biến động chi phí trả trước	12		944.813.903	324.366.607
			(68.637.491.746)	2.404.821.536.383
Tiền lãi vay đã trả	14		(126.674.848.166)	(120.607.420.109)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.224.007.437)	(179.860.966.804)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(36.463.407.448)	(29.416.474.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(240.999.754.797)	2.074.936.674.929

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(78.030.609.302)	(279.820.547.468)
Tiền chi cho các khoản cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.397.970.467.665)	(2.715.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, công cụ nợ	24	3.101.200.000.000	1.031.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	484.306.233.538	404.696.268.176
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.109.505.156.571	(1.558.624.279.292)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(332.616.810.965)
Tiền trả cổ tức	36	(794.884.615.625)	(635.912.081.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(794.884.615.625)	(968.528.892.465)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	73.620.786.149	(452.216.496.828)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	704.249.962.591	1.156.466.459.419
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	777.870.748.740	704.249.962.591

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.266 nhân viên (1/1/2016: 1.328 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các thuyết minh 3(a).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016, chênh lệch tỷ giá hối đoái được Công ty ghi nhận theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Việc thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng đáng kể đối với báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm phát sinh.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Nghị định 82 trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc cố thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.206.755	4.729.754
Tiền gửi ngân hàng	37.869.541.985	24.245.232.837
Các khoản tương đương tiền	740.000.000.000	680.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	777.870.748.740	704.249.962.591
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.110.000.000.000	2.380.000.000.000
▪ Các khoản đầu tư khác (*)	-	14.351.965.073
	<hr/>	<hr/>
	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (*)	-	114.075.981.250
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư khác với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu với thời gian đáo hạn còn lại trên mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn đơn vị khác

		31/12/2016						
		Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪	Công ty con							
	• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	(i) Hải Dương	2.500.000	50,00%	60,00%	27.476.250.000	-	(*)
▪	Công ty liên kết							
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	(ii) Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
▪	Đơn vị khác							
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(321.039.699.838)	(*)
	• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đà Nẵng	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	(*)
	• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	10.352.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
	• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	5.025.000	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(37.453.000.000)	9.045.000.000
						1.084.843.117.400	(358.492.699.838)	9.045.000.000
						2.563.375.137.550	(358.492.699.838)	9.045.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2016							
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND					
Đầu tư góp vốn vào:									
▪ Công ty con									
	• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	(i)	Hải Dương	2.500.000	50,00%	60,00%	27.476.250.000	-	(*)
▪ Công ty liên kết									
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	(ii)	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
▪ Đơn vị khác									
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(406.527.921.755)	(*)
	• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế		Đà Nẵng	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	(*)
	• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		Buôn Mê Thuột	10.352.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
	• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		Hà Nội	5.025.000	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
	• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(39.128.000.000)	7.370.000.000
							1.084.843.117.400	(445.655.921.755)	(*)
							2.563.375.137.550	(445.655.921.755)	(*)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0403000636 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 12 tháng 1 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc là sửa chữa thường xuyên, đại tu các thiết bị về điện và kiểm nhiệt.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác khoáng sản; bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo công trình nhiệt điện; dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện và đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Biến động dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	445.655.921.755	120.691.772.046
Dự phòng lập trong năm	9.559.149.665	324.964.149.709
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(96.722.371.582)	-
Số dư cuối năm	358.492.699.838	445.655.921.755

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	1.474.727.642.218	1.293.207.995.747
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	3.021.304.520	3.021.304.520
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	134.736.992.851	92.225.678.082
Các khách hàng khác	3.304.176.458	2.407.880.501
	1.615.790.116.047	1.390.862.858.850

(*) Khoản phải thu liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFMC-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014.

(**) Khoản phải thu liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015, theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào phải thu của khách hàng.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện	1.474.727.642.218	1.293.207.995.747

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ		Chuyên thành		Giá trị ghi sổ	
	VND	Tăng VND	hạn VND	Thu hồi VND	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	735.000.000.000	427.970.467.665	(946.770.467.665)	(216.200.000.000)	-	-
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	-	1.053.800.000.000	-	-	-	1.053.800.000.000
	735.000.000.000	1.481.770.467.665	(946.770.467.665)	(216.200.000.000)	1.053.800.000.000	1.053.800.000.000

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản phải thu về cho vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 860 tỷ VND (1/1/2016: 339 tỷ VND). Trong năm, khoản cho vay 947 tỷ VND đã được gia hạn thêm một năm kể từ ngày cho vay và theo đó được phân loại lại từ phải thu về cho vay ngắn hạn thành phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 8(b)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cho vay dài hạn	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(1.053.800.000.000)	-
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	1.707.970.467.665	2.350.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ (Thuyết minh 8(a))	VND	6,50% - 6,87%	2017 - 2018	946.770.467.665	-
Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	9,00%	2025	315.000.000.000	350.000.000.000
Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	7,76%	2019	1.500.000.000.000	2.000.000.000.000
				2.761.770.467.665	2.350.000.000.000

(*) Các khoản cho vay phải thu dài hạn không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016		1/1/2016			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn						
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 1 năm	17.373.269.593	7.175.982.537	trên 180 ngày	17.373.269.593	10.046.375.552
Khác	trên 1 năm	882.468.653	345.209.144	trên 180 ngày	882.468.653	492.929.894
		<u>18.255.738.246</u>	<u>7.521.191.681</u>		<u>18.255.738.246</u>	<u>10.539.305.446</u>
<i>Trong đó:</i>						
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		(10.734.546.565)			(7.716.432.800)	

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	720.412.999.038	(173.554.934.148)	831.863.735.955	(181.186.244.517)
Công cụ và dụng cụ	5.264.025.418	-	5.797.836.512	-
Dịch vụ dở dang	54.017.841	-	26.759.541	-
Thành phẩm	-	-	1.157.978.342	-
	725.731.042.297	(173.554.934.148)	838.846.310.350	(181.186.244.517)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.705.909.581.120	11.553.700.655.039	77.660.377.073	39.945.339.027	2.669.262.740	13.379.885.214.999
Tăng trong năm	-	330.000.000	2.433.044.546	31.340.910	-	2.794.385.456
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	160.151.929	77.478.710	-	221.636.370	-	459.267.009
Thanh lý	-	-	(2.861.727.436)	(73.872.857)	-	(2.935.600.293)
Số dư cuối năm	1.706.069.733.049	11.554.108.133.749	77.231.694.183	40.124.443.450	2.669.262.740	13.380.203.267.171
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.380.858.011.480	11.511.567.402.670	65.370.597.046	38.484.710.141	2.512.685.590	12.998.793.406.927
Khấu hao trong năm	30.956.127.488	23.796.617.950	3.233.759.715	764.904.370	116.985.893	58.868.395.416
Thanh lý	-	-	(2.861.727.436)	(73.872.857)	-	(2.935.600.293)
Số dư cuối năm	1.411.814.138.968	11.535.364.020.620	65.742.629.325	39.175.741.654	2.629.671.483	13.054.726.202.050
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	325.051.569.640	42.133.252.369	12.289.780.027	1.460.628.886	156.577.150	381.091.808.072
Số dư cuối năm	294.255.594.081	18.744.113.129	11.489.064.858	948.701.796	39.591.257	325.477.065.121

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản cố nguyên giá 12.436 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 8.978 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	53.488.693.851	515.209.760	54.003.903.611
Khấu hao trong năm	3.926.207.781	330.722.664	4.256.930.445
Số dư cuối năm	57.414.901.632	845.932.424	58.260.834.056
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.926.207.781	800.165.120	4.726.372.901
Số dư cuối năm	-	469.442.456	469.442.456

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 0,3 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 0,3 tỷ VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	305.314.133.232	241.351.316.018
Tăng trong năm	75.445.183.191	75.842.270.407
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(459.267.009)	(10.887.285.193)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(992.168.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(55.254.716)	-
Giảm khác	(208.959.345)	-
	380.035.835.353	305.314.133.232

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	374.294.010.447	304.939.840.134
Xây dựng cơ bản khác	5.741.824.906	374.293.098
	380.035.835.353	305.314.133.232

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam	-	86.461.040.881
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	62.170.947.893	26.374.116.892
Viện nghiên cứu cơ khí	55.036.990.237	887.568.880
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	45.974.033.785	3.661.791.770
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	20.928.960.240	90.059.094.931
Công ty kinh doanh than Bắc Lạng	13.084.943.681	84.160.576.569
Các nhà cung cấp khác	83.133.198.901	139.077.677.309
	<hr/>	<hr/>
	280.329.074.737	430.681.867.232
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	62.170.947.893	26.374.116.892
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số chuyển từ thuế phải thu Nhà nước VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	9.385.205.690	575.522.717.280	(73.685.640.579)	(499.214.203.889)	-	12.008.078.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.008.637.849	58.547.540.236	(9.224.007.437)	-	-	57.332.170.648
Thuế tài nguyên	2.540.178.090	35.508.252.375	(35.130.656.745)	-	-	2.917.773.720
Thuế nhà đất	-	17.050.135.310	(17.050.135.310)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.449.945.823	(3.158.722.125)	-	(1.291.223.698)	-
Các loại thuế khác	240.235.200	978.091.200	(973.874.400)	-	-	244.452.000
	20.174.256.829	692.056.682.224	(139.223.036.596)	(499.214.203.889)	(1.291.223.698)	72.502.474.870

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số chuyển qua thuế phải nộp Nhà nước VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	3.072.460.484	(1.291.223.698)	1.781.236.786

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn	374.294.010.447	304.939.840.134
Chi phí lãi vay	32.366.163.623	33.681.734.223
Các khoản khác	4.158.685.315	4.342.382.091
	<hr/>	<hr/>
	410.818.859.385	342.963.956.448
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	256.663.676.201	1.638.065.626
Bảo hiểm xã hội	7.765.317.348	249.238.913
Bảo hiểm y tế	1.288.000.000	-
Kinh phí công đoàn	834.000.000	175.025.640
Bảo hiểm thất nghiệp	501.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	31.485.558	31.485.558
Phải trả khác	3.612.196.315	4.027.400.179
	<hr/>	<hr/>
	270.695.675.422	6.121.215.916
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	348.807.603.594		381.476.986.443	(377.039.369.869)	11.084.751.375	364.329.971.543

(b) Vay dài hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	4.189.794.646.284	4.360.095.047.647
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(364.329.971.543)	(348.807.603.594)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.825.464.674.741	4.011.287.444.053

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2% - 2,5%	2028	4.189.794.646.284	4.360.095.047.647

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay từ 2% năm đến 2,5% năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	48.972.820.882	19.228.295.423
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	57.517.000.000	59.161.000.000
Sử dụng trong năm	(36.463.407.448)	(29.416.474.541)
Số dư cuối năm	70.026.413.434	48.972.820.882

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	477.555.204.456	2.028.273.264.075	5.799.704.262.047
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	522.514.761.516	522.514.761.516
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	10.287.063.027	(10.287.063.027)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(59.161.000.000)	(59.161.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(381.785.536.800)	(381.785.536.800)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.262.350.000.000	157.128.522.365	(125.602.728.849)	487.842.267.483	2.099.554.425.764	5.881.272.486.763
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	598.968.319.969	598.968.319.969
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	3.016.021.826	-	(3.016.021.826)	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	56.843.665.377	(56.843.665.377)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(57.517.000.000)	(57.517.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(1.049.910.226.200)	(1,049,910,226,200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.262.350.000.000	160.144.544.191	(125.602.728.849)	541.669.911.034	1.534.251.854.156	5.372.813.580.532

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	8.080.386	125.602.728.849	8.080.386	125.602.728.849
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	318.154.614	3.136.747.271.151	318.154.614	3.136.747.271.151

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 795 tỷ VND tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu (2015: 382 tỷ VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu). Và tại cuộc họp ngày 16 tháng 12 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 255 tỷ tương đương 800 VND trên một cổ phiếu. (Thuyết minh 20).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Trong vòng hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	482.378.970.667	496.293.748.667
	<hr/>	<hr/>
	551.952.860.667	565.867.638.667
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện	5.844.305.898.985	7.528.551.923.425
Doanh thu bán xỉ và phế liệu	21.534.853.587	27.869.318.035
	<hr/>	<hr/>
	5.865.840.752.572	7.556.421.241.460
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.560.843.353.923	5.567.582.778.771
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	320.802.341.872	169.518.899.614
Chi phí nhân công	207.625.041.729	230.534.779.736
Chi phí bảo trì	155.037.886.361	156.695.034.515
Chi phí khấu hao	56.617.942.424	439.280.044.577
Chi phí điện mua ngoài	35.794.551.009	16.516.661.064
Chi phí khác	60.907.771.575	43.644.006.219
	<hr/>	<hr/>
	5.397.628.888.893	6.623.772.204.496
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư tài chính khác	396.961.742.307	334.368.873.814
Cổ tức được chia	129.855.806.000	90.018.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.437.614.035	-
	<hr/>	<hr/>
	531.255.162.342	424.387.623.814

28. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	125.359.277.566	120.228.756.089
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.641.855.685	80.285.535.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	206.534.726.856	203.313.279.013
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4.075.981.250	-
	(87.163.221.917)	324.964.149.709
Chi phí tài chính khác	129.277.398	4.230.738.181
	<hr/>	<hr/>
	253.577.896.838	733.022.458.924

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân công	45.924.057.698	41.922.858.900
Chi phí vật liệu quản lý	4.989.980.718	5.267.378.252
Chi phí khấu hao	5.151.841.005	8.606.405.131
Dự phòng phải thu khó đòi	3.018.113.765	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.844.480.561	5.626.081.561
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.534.212.759	3.793.490.934
Chi phí khác	17.876.755.966	20.917.647.903
	<hr/>	<hr/>
	87.339.442.472	86.133.862.681

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.646.462.725.124	5.567.582.778.771
Chi phí nhân công	253.549.099.427	272.457.638.636
Chi phí khấu hao	63.125.325.861	449.928.377.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.665.616.790	95.065.170.098
Chi phí sửa chữa lớn	320.802.341.872	169.518.899.614
Chi phí khác	86.363.222.291	155.353.202.607

31. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	58.108.914.236	35.327.477.626
Dự phòng thiếu trong những năm trước	438.626.000	353.968.490
Chi phí thuế thu nhập	58.547.540.236	35.681.446.116

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	657.515.860.205	558.196.207.632
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	98.627.379.031	83.729.431.145
Ưu đãi thuế	(28.650.253.765)	(35.327.477.626)
Thu nhập không bị tính thuế	(19.478.370.900)	(13.502.812.500)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	7.364.665.118	84.536.607
Chi phí không được khấu trừ thuế	245.494.752	343.800.000
Dự phòng thiếu trong những năm trước	438.626.000	353.968.490
Chi phí thuế thu nhập	58.547.540.236	35.681.446.116

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2015: 22%).

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	37.869.541.985	24.245.232.837
Các khoản tương đương tiền	(i)	740.000.000.000	680.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	(ii)	1.605.055.569.482	1.383.146.426.050
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(ii)	-	735.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	(ii)	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	1.353.411.899	265.925.238
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(iii)	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(iii)	-	114.075.981.250
		7.256.048.991.031	7.681.085.530.448

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn và phải thu ngắn hạn khác

Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn, phải thu ngắn hạn khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập tiền lãi phải thu từ các bên liên quan và cổ tức phải thu được xem là tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện mức tổn thất ước tính phát sinh liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	7.716.432.800	3.219.495.517
Tăng dự phòng trong năm	3.018.113.765	4.496.937.283
Số dư cuối năm	10.734.546.565	7.716.432.800

(iii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng có uy tín. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và trái phiếu này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng và bên liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	280.329.074.737	280.329.074.737	280.329.074.737	-	-	-
Phải trả người lao động	57.771.455.147	57.771.455.147	57.771.455.147	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	410.818.859.385	410.818.859.385	410.818.859.385	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	270.695.675.422	270.695.675.422	270.695.675.422	-	-	-
Vay dài hạn	4.189.794.646.284	4.846.039.449.283	496.390.474.827	461.592.408.641	1.325.168.288.831	2.562.888.276.984
	5.209.409.710.975	5.865.654.513.974	1.516.005.539.518	461.592.408.641	1.325.168.288.831	2.562.888.276.984
Ngày 1 tháng 1 năm 2016						
	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	430.681.867.232	430.681.867.232	430.681.867.232	-	-	-
Phải trả người lao động	68.283.412.395	68.283.412.395	68.283.412.395	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	342.963.956.448	342.963.956.448	342.963.956.448	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	6.121.215.916	6.121.215.916	6.121.215.916	-	-	-
Vay dài hạn	4.360.095.047.647	5.102.989.842.373	487.183.940.323	451.474.761.884	1.297.355.001.575	2.866.976.138.591
	5.208.145.499.638	5.951.040.294.364	1.335.234.392.314	451.474.761.884	1.297.355.001.575	2.866.976.138.591

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch gửi tiền, mua dịch vụ và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là đồng Yên Nhật (“JPY”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	JPY	JPY
Vay dài hạn	21.352.536.152	23.209.278.426

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
1 JPY	196	188

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN VND
31/12/2016 JPY (mạnh thêm 4%)	(133.923.106.745)
1/1/2016 JPY (mạnh thêm 3%)	(102.102.257.651)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	740.000.000.000	680.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	114.075.981.250
▪ Vay dài hạn	(4.189.794.646.284)	(4.360.095.047.647)
	<u>(1.339.794.646.284)</u>	<u>(1.171.667.101.324)</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	37.869.541.985	24.245.232.837
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	735.000.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
	<u>2.799.640.009.650</u>	<u>3.109.245.232.837</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi**

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 22 tỷ VND lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Công ty (2015: 24 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý**(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (*)	777.870.748.740	704.249.962.591
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (*)	2.110.000.000.000	2.394.351.965.073
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (*)	-	114.075.981.250
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần (*)	1.605.055.569.482	1.383.146.426.050
▪ Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	-	735.000.000.000
▪ Phải thu ngắn hạn khác (*)	2.761.770.467.665	2.350.000.000.000
▪ Phải thu về cho vay dài hạn (*)	1.353.411.899	265.925.238
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
	8.340.893.315.186	7.681.090.260.202
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán ngắn hạn (*)	(280.329.074.737)	(430.681.867.232)
▪ Phải trả người lao động (*)	(57.771.455.147)	(68.283.412.395)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	(410.818.859.385)	(342.963.956.448)
▪ Phải trả ngắn hạn khác (*)	(270.695.675.422)	(6.121.215.916)
▪ Vay dài hạn (*)	(4.189.794.646.284)	(4.360.095.047.647)
	(5.209.409.710.975)	(5.208.145.499.638)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá ghi sổ.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	376.835.128.219	329.571.753.635
Chi phí lãi vay	125.359.277.566	120.228.756.089
Thu nhập lãi cho vay	142.187.222.222	191.851.388.889
Thu hồi khoản cho vay	535.000.000.000	-
Mua điện	32.581.311.956	-
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cho vay	427.970.467.665	735.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	68.074.733.450	17.988.749.999
Chia cổ tức	549.093.256.800	199.670.275.200
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc		
Mua hàng hóa và dịch vụ	116.612.865.433	86.854.282.914
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	731.893.608	1.217.336.117
Thu nhập từ lãi phạt	14.000.000	-
Cổ tức được chia	3.750.000.000	3.750.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Doanh thu bán điện	5.843.015.018.884	7.527.230.631.930
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	-	2.512.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	116.865.000.000	77.910.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	670.000.000	670.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2.343.831.000	2.109.480.000

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Cần trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện	376.835.128.219	-
Chuyển khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản phải thu của khách hàng	14.351.965.073	-
Chuyển khoản cho vay ngắn hạn thành khoản cho vay dài hạn	946.770.467.665	-

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởngPhạm Văn Thư
Tổng Giám đốc